

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2024
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Nam

- Bà Đặng Thị Mỹ Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thúy D, sinh năm 1992. (Có mặt).

Địa chỉ: khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh An Giang.

- **Bị đơn:** Ông Ngô Minh T, sinh năm 1990. (Có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số G, tổ D, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 8, khu A, P, Trại giam T1 (ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thúy D trình bày: bà và ông T thông qua quen biết và đi đến hôn nhân vào năm 2012, vợ chồng không có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, chửi và đánh bà nhiều lần nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà đề nghị ly hôn thì ông T hăm dọa đánh bà nên bà không dám nộp đơn, đến năm 2019 ông T bị Tòa án xét xử tuyên phạt 17 năm tù về tội giết người và đi chấp

hành án tại Long An, thời gian ông T đi chấp hành án bà cũng có đi thăm nom và đề nghị với ông T về việc ly hôn thì ông T đồng ý nên bà mới làm đơn yêu cầu ly hôn gửi cho Tòa án. Nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Không có
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Ngô Minh T có yêu cầu xin vắng mặt và có ý kiến trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2024, nội dung như sau: Ông và bà D kết hôn khoảng năm 2011 do quen biết, không đám cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn được 08 năm thì mâu thuẫn do ông bị bắt về tội giết người và vợ chồng không gặp cho đến nay, ông T đồng ý ly hôn với bà D, vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy D, bà D được ly hôn ông T; Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trần Thúy D yêu cầu ly hôn với ông Ngô Minh T. Ông T có nơi cư trú cuối cùng tại phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Ngô Minh T có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà D và ông T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của

ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng từ năm 2018 do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, bà D xác định không còn tình cảm với ông T nên ông yêu cầu ly hôn, ông T có ý kiến trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2024 đồng ý ly hôn với bà D. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà D xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông T, hôn nhân không hạnh phúc, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà D, ông T trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Khoản 1 Điều 235, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thúy D được ly hôn ông Ngô Minh T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thúy D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001399 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà D đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên